BÀN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP KHI PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

ThS. TRẦN MẠNH TƯỜNG*
ThS. PHẠM THỊ MAI ANH*

Hiện nay, Chính phủ đã có ý định cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 20-22% xuống còn 15-17%. Đây là một tín hiệu vui giúp cho các doanh nghiệp có thể mở rộng hoạt động vay vốn nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Một trong các kênh vay vốn hiệu quả đó là phát hành trái phiếu (bao gồm trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi). Phát hành trái phiếu chuyển đổi (TPCĐ) giúp các doanh nghiệp thu hút lượng lớn các nhà đầu tư một cách hiệu quả và giảm áp lực thanh toán khi đến hạn. Trong bài viết này, tác giả muốn đề cập đến việc xử lý các vấn đề về thuế thu nhập doanh nghiệp khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Từ khóa: Trái phiếu chuyển đổi, thuế thu nhập doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu.

Corporate income tax & issuance of convertible bonds

At present, the government is planning to cut corporate income tax from 20-22% to 15-17%. This is a good sign for businesses to expand their lending activities to boost their business operations. One of the most effective ways to get a loan is to issue bonds (including bonds and convertible bonds). Issuance of convertible bonds (CBs) helps businesses attract large amounts of investors effectively and reduce the pressure of payment when due. In this article, the author wishes to deal with the issue of corporate income tax when the company issues convertible bonds.

Keywords: Convertible bonds, corporate income tax, owners' equity.

1. Khái niệm về trái phiếu chuyển đổi

Theo cách hiểu đơn giản, "TPCĐ là loại trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu" [1].

Theo IAS 32 (chuẩn mực kế toán quốc tế số 32) về Công cụ tài chính, "TPCĐ là một công cụ tài chính phức hợp, nó gồm cả hai thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Do vậy, các công ty phải ghi nhận riêng rẽ các thành phần này. Phần vốn chủ sở hữu được xác định là phần còn lại của giá trị hợp lý của TPCĐ sau khi trừ giá trị hợp lý của phần nợ phải trả" [2].

Theo Điều 59 của Thông tư 200/2014/TT-BTC: "TPCĐ là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện các thủ tục và đáp ứng được các điều kiện phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật."[3]

Trước khi TPCĐ được chuyển đổi thành cổ phiếu, trái chủ được thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ đối với một trái phiếu bình thường như nhận lãi suất và hoàn trả gốc khi đến hạn. Trong trường hợp chủ thể phát hành phá sản trước khi chuyển đổi, TPCĐ sẽ có quyền ưu tiên thanh toán trước cổ phiếu.

TPCĐ có điểm khác biệt so với trái phiếu thường là người nắm giữ trái phiếu (trái chủ) có quyền chuyển đổi sang cổ phiếu theo một tỷ lệ cố định trong tương lai. Do vậy, TPCĐ có giá trị hơn trái phiếu thường. TPCĐ được coi là một công cụ lưỡng tính do có tính chất của cả trái phiếu và cổ phiếu, là một sản phẩm lồng ghép "hai trong một"

*Bộ môn Kế toán Tài chính, Trường Đại học Thương mại

giữa trái phiếu doanh nghiệp và quyền mua cổ phiếu do chính doanh nghiệp phát hành. Quyền mua cổ phiếu cho phép người nắm quyền có thể mua cổ phiếu tại một thời điểm trong tương lai với một mức giá xác định trước.

2. Xác định trái phiếu chuyển đổi và kế toán trái phiếu chuyển đổi

2.1. Xác định trái phiếu chuyển đổi

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành TPCĐ, doanh nghiệp phải tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của TPCĐ. Phần nợ gốc của TPCĐ được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của TPCĐ được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Việc xác định giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của TPCĐ được thực hiện như sau [3]:

- Giá trị phần nợ gốc của TPCĐ được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành TPCĐ. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, doanh nghiệp được sử dụng lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. [3]

Ví dụ, xác định giá trị phần nợ gốc của TPCĐ tại thời điểm phát hành: Ngày 1/1/2016, công ty cổ phần XYZ phát hành 200.000 TPCĐ mệnh giá 100.000 đồng kỳ hạn 3 năm, lãi suất danh nghĩa 10%/năm, trả lãi định kỳ vào thời điểm cuối năm. Lãi suất trái phiếu tương tự không được chuyển đổi là 14%/năm. Tại thời điểm đáo hạn, mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành một cổ phiếu. Biết rằng TPCĐ được phát hành để huy động vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp (lãi vay được tính vào chi phí tài chính). Việc xác định giá trị phần nợ gốc của TPCĐ tại thời điểm ghi nhận ban đầu được thực hiện như sau:[3]

Bảng 1: Bảng tính giá trị phần nợ gốc của TPCĐ tại thời điểm ghi nhận ban đầu *Đơn vị: Đồng*

Năm	Giá trị danh nghĩa khoản phải trả trong tương lai		Tỷ lệ chiết khấu		Giá trị hiện tại khoản phải trả trong tương lai
2016	2.000.000.000 (lãi vay phải trả)	x	[1/1.14]	=	1.754.385.965
2017	2.000.000.000 (lãi vay phải trả)	x	[1/1.14^2]	=	1.538.935.057

2018	2.000.000.000 (lãi vay phải trả)	x	[1/1.14^3]	=	1.349.943.032
	20.000.000.000 (gốc vay phải trả)	x	[1/1.14^3]	=	11.841.605.547
Cộng					**18.142.694.378**

- Giá trị cấu phần vốn của TPCĐ (quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành TPCĐ và giá trị cấu phần nợ của TPCĐ tại thời điểm phát hành. Như ví dụ ở trên, giá trị cấu phần vốn của TPCĐ được xác định là: 20.000.000.000 - 18.142.694.378 = 1.875.305.622 đồng. Giá trị cấu phần vốn của TPCĐ được ghi nhận là quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu.[3]

Vẫn theo ví dụ ở trên, ở bảng 2 ta có thể xác định chi phí tài chính trong kỳ và điều chỉnh giá trị phần nợ gốc của TPCĐ tại thời điểm cuối kỳ [3].

Bảng 2: Bảng tính chi phí tài chính trong kỳ và điều chỉnh giá trị phần nợ gốc của TPCĐ tại thời điểm cuối kỳ

Đơn vị: 1000 đồng

Năm	Giá trị phần nợ gốc TPCĐ đầu kỳ	Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ (lãi suất 14%/năm)	Lãi vay phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa 10%/năm	Giá trị được điều chỉnh tăng phần nợ gốc TPCĐ trong kỳ	Giá trị phần nợ gốc TPCĐ cuối kỳ
2016	18.142.694	2.539.977 [18.142.694 x 14%]	2.000.000	539.977	18.682.671
2017	18.682.671	2.615.574 [18.682.671 x 14%]	2.000.000	615.574	19.298.246
2018	19.298.246	2.701.755 [19.298.246 x 14%]	2.000.000	701.754	20.000.000

2.2. Kế toán phát hành trái phiếu chuyển đổi theo chế độ kế toán hiện hành

- Tại thời điểm phát hành, kế toán ghi nhận giá trị phần nợ gốc vào bên Có TK 3432 (cấu phần nợ) và quyền chọn cổ phiếu của TPCĐ vào bên Có TK 4113 (cấu phần vốn) đối ứng với ghi nhận tổng số thu được từ phát hành TPCĐ vào bên Nợ TK 111 (nếu thu bằng tiền mặt), hoặc TK 112 (nếu thu bằng TGNH).

- Đối với chi phí phát hành trái phiếu phát sinh được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Khi phát sinh chi phí phát hành trái phiếu, ghi giảm nợ gốc TPCĐ vào bên Nợ TK 3432, đối ứng với bên Có các TK 111, 112, 338. Khi phân bổ chi phí phát hành trái phiếu kế toán ghi tăng nợ gốc TPCĐ vào bên Có TK 3432, đồng thời ghi tăng chi phí tài chính TK 635 nếu không được vốn hóa chi phí lãi vay, hoặc vốn hóa vào giá trị tài sản TK 241, TK 627.

- Định kỳ, kế toán ghi nhận chi phí tài chính vào bên Nợ TK 635 (nếu không được vốn hóa) hoặc nếu vốn hoá đối với số lãi trái phiếu phải trả kế toán vào bên Nợ TK 241, TK 627 (tính theo lãi suất của trái phiếu tương tự không có quyền chuyển đổi hoặc tính theo lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường) đồng thời điều chỉnh giá trị phần nợ gốc của TPCĐ ghi vào bên Có TK 335 (số lãi theo lãi suất danh nghĩa), phần chênh lệch ghi vào bên Có TK 3432 (số lãi trái phiếu tính theo lãi suất thực tế hoặc lãi suất trái phiếu tương đương không có quyền chuyển đổi cao hơn số lãi trái phiếu phải trả trong kỳ tính theo lãi suất danh nghĩa).

- Khi đáo hạn trái phiếu phần nợ gốc của TPCĐ được xử lý như sau:

+ Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi, doanh nghiệp hoàn trả gốc trái phiếu, ghi vào bên Nợ TK 3432 đối ứng với bên Có các TK thanh toán TK 111 (nếu chi bằng tiền mặt), hoặc TK 112 (nếu chi bằng TGNH).

+ Nếu người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi, kế toán ghi giảm nợ gốc

của TPCĐ vào bên Nợ TK 3432, đồng thời ghi tăng vốn góp chủ sở hữu theo mệnh giá vào bên Có TK 4111, phần chênh lệch giữa giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá và giá trị nợ gốc TPCĐ được ghi nhận vào bên Có TK 4112.

- Riêng đối với cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của TPCĐ được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi hay không, kế toán ghi vào bên Có TK 4112 đối ứng với ghi bên Nợ TK 4113.

2.3. Quan điểm của Luật thuế TNDN về lãi vay và thu nhập từ quyền chọn khi phát hành trái phiếu chuyển đổi

Phát hành trái phiếu cũng là một hoạt động vay vốn. Và khi đi vay doanh nghiệp sẽ phải chịu một khoản chi phí lãi vay. Vậy đây có phải là khoản chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp? Theo quy định của Luật thuế TNDN hiện nay hoạt động phát hành TPCĐ có một số điểm mà các doanh nghiệp cần đặc biệt quan tâm như sau:

Một là, giới hạn về lãi suất vay vốn là khó khăn cho các doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Theo khoản 2.17 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế có nêu rõ "Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay". Trong khi đó, theo điểm 3, Điều 12 Nghị định 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về lãi suất danh nghĩa trái phiếu "Doanh nghiệp phát hành trái phiếu quyết định lãi suất danh nghĩa trái phiếu cho từng đợt phát hành phù hợp với năng lực và khả năng tài chính của doanh nghiệp. Riêng đối với các tổ chức tín dụng, việc xác định lãi suất danh nghĩa trái phiếu còn phải tuân thủ quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn"[4]. Rõ ràng ở đây có sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hạch toán chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN.

Hai là, quy mô hoạt động vay vốn ngày càng bị giới hạn gây áp lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Bởi vì, theo khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định: Tổng chi phí lãi vay được khấu trừ cho mục đích tính thuế đối với các giao dịch liên kết không vượt quá 20% chỉ số EBITDA - lợi nhuận trước thuế chưa trừ lãi vay và chi phí khấu hao - là một chỉ tiêu đánh giá tỷ suất sinh lợi của doanh nghiệp được tính bằng thu nhập trừ các chi phí nhưng chưa trừ tiền trả lãi vay, thuế và khấu hao. Nhưng thực tế hiện nay các doanh nghiệp áp dụng đối với cả khoản vay từ bên liên kết và bên độc lập. Trong đó "Giao dịch liên kết là giao dịch phát sinh giữa các bên có quan hệ liên kết trong quá trình sản xuất, kinh doanh, bao gồm: Mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng máy móc, thiết bị, hàng hóa, cung cấp dịch vụ; vay, cho vay, dịch vụ tài chính, đảm bảo tài chính và các công cụ tài chính khác; mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng tài sản hữu hình, tài sản vô hình và thỏa thuận sử dụng chung nguồn lực như hợp lực, hợp tác khai thác sử dụng nhân lực; chia sẻ chi phí giữa các bên liên kết."[5] (trang 2) và "Giao dịch độc lập là giao dịch giữa các bên không có quan hệ liên kết"[5] (trang 2).

Ba là, lãi vay về phát hành TPCĐ được ghi nhận là một khoản chi phí. Nét tương đồng giữa kế toán và thuế là cho phép ghi nhận tiền lãi về phát hành trái phiếu là một khoản chi phí. Theo khoản 2.17, Điều 6 của Thông tư 78/2014 ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Điều 13 của Nghị định 90/2011/NĐ-CP ban hành ngày 14/10/2011 thì việc phát hành trái phiếu là hoàn toàn phù hợp trong xu thế phát triển tất yếu của các doanh nghiệp. Để chi phí lãi vay được tính vào thu nhập chịu thuế trong giới hạn cho phép thì cần phải nắm rõ quy định về thanh toán theo quy định tại Điều 4 của Thông tư 09/2015/TT-BTC ban hành ngày 29/01/2015.

3. Giải pháp hoàn thiện trong công tác kế toán trái phiếu chuyển đổi theo hướng phù hợp với Luật thuế TNDN

TPCĐ là một công cụ tài chính phức tạp đòi hỏi cả doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư cần

hiểu bản chất của TPCĐ, cũng như ưu nhược điểm của nó nhằm thúc đẩy sự phát triển của nó trên thị trường tài chính Việt Nam. Vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp khi phát hành TPCĐ là cần tuân thủ các quy định của Chế độ kế toán đồng thời phải tuân thủ quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, các doanh nghiệp nên:

Thứ nhất, nên tách các khoản chi phí lãi vay được trừ và lãi vay không được trừ. Hiện nay trong công tác phát hành trái phiếu theo điểm 3, Điều 12, Nghị định 90/2011/NĐ-CP ban hành ngày 14/10/2011 về lãi suất danh nghĩa trái phiếu thì các doanh nghiệp được phép đưa ra mức lãi suất để hấp dẫn các nhà đầu tư theo nguyên tắc tự vay, tự trả (không bị khống chế bởi trần lãi suất). Mức lãi suất này phải đủ sức hấp dẫn được các nhà đầu tư nên thông thường lãi suất do phát hành trái phiếu cao hơn mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay. Vì vậy, khi hạch toán kế toán cần tách lãi vay thành hai khoản: khoản lãi trái phiếu được khấu trừ và khoản lãi trái phiếu do doanh nghiệp chịu hoàn toàn bằng chính lợi nhuận sau thuế. Khoản lãi trái phiếu được khấu trừ sẽ được khấu trừ cho mục đích tính thuế TNDN, đối với lãi trái phiếu không được khấu trừ có thể giúp cho doanh nghiệp tính được hiệu quả thực sự của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần cân đối lại tổng mức tiền vay về phát hành TPCĐ trong tổng các khoản vay của doanh nghiệp. Đi vay trả lãi là một việc bình thường của doanh nghiệp, tuy nhiên nếu doanh nghiệp nắm rõ qui định theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về việc hạn chế tiền vay trong giới hạn tổng chi phí lãi vay được chấp nhận là chi phí được trừ cho mục đích tính thuế, thì chi phí lãi vay này không được vượt quá 20% chỉ số EBITDA.

Thứ ba, để khoản chi phí lãi vay được chấp nhận là chi phí được trừ thì khi doanh nghiệp đi vay vốn và trả tiền lãi vay, doanh nghiệp cần phải thanh toán số tiền trên qua các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt: séc, ủy nhiệm chi, chuyển khoản hay các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt khác. Điều này được quy định rõ trong Thông tư 09/2015/TT-BTC ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính.

4. Kết luận

Trái phiếu là công cụ rất hiệu quả trong việc huy động vốn. Phát hành trái phiếu nói chung và trái phiếu chuyển đổi nói riêng giúp doanh nghiệp thu hút lượng lớn các nhà đầu tư một cách hiệu quả. Tuy nhiên, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, các doanh nghiệp cần nắm rõ luật thuế TNDN, các văn bản hướng dẫn kèm theo để giảm bớt rủi ro hạch toán chi phí lãi vay khi xác định chi phí được trừ cho mục đích tính số thuế TNDN phải nộp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đầu tư phái sinh tổng hợp (2017), Trái phiếu chuyển đổi, https://dautuphaisinh.com/trai-phieu-chuyen-doi/;*
2. *Nguyễn Mạnh Hiền (2014), Kế toán trái phiếu chuyển đổi – kinh nghiệm quốc tế http://donga.edu.vn/GocKN/tabid/2365/cat/1596/ArticleDetailId/11275/ArticleId/11273/Default.aspx;*
3. *Đại lý thuế Công Minh, Tài khoản 343 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, http://dailythuecongminh.com/tai-khoan-343-theo-thong-tu-2002014tt-btc/;*
4. *Chính phủ (2011), Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011;*
5. *Chính phủ (2017), Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017;*
6. *Bộ Tài chính (2014), Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014;*
7. *Bộ Tài chính (2014), Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014;*
8. *Bộ Tài chính (2015), Thông tư 09/2015/TT-BTC ngày 29 tháng 01 năm 2015.*

Ngày nhận bài lần 1: 12/4/2018

Ngày duyệt đăng: 1/5/2018